

Số: /KH-UBND

Kiên Giang, ngày tháng năm 2024

## KẾ HOẠCH

### Thu thập thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường trên địa bàn tỉnh Kiên Giang năm 2024

Căn cứ Nghị định số 73/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 6 năm 2017 của Chính phủ về việc thu thập, quản lý, khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường;

Căn cứ Thông tư số 03/2022/TT-BTNMT ngày 28/02/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành Quy định kỹ thuật và Định mức kinh tế - kỹ thuật về công tác thu nhận, lưu trữ, bảo quản và cung cấp thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường;

Căn cứ Quyết định số 07/2021/QĐ-UBND ngày 27 tháng 7 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang ban hành Quy chế thu thập, quản lý, khai thác, chia sẻ và sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường trên địa bàn tỉnh Kiên Giang;

Căn cứ Quyết định số 02/2024/QĐ-UBND ngày 23 tháng 01 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang về việc sửa đổi, bổ sung một số Điều của Quy chế thu thập, quản lý, khai thác, chia sẻ và sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường trên địa bàn tỉnh Kiên Giang ban hành kèm theo Quyết định số 07/2021/QĐ-UBND ngày 27 tháng 7 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh;

Theo đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 423/TTr-STNMT ngày 31/5/2024, Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang ban hành Kế hoạch thu thập thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường trên địa bàn tỉnh Kiên Giang năm 2024 như sau:

## I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

### 1. Mục đích:

- Thu thập, tập hợp, quản lý đầy đủ các nguồn thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường của các cơ quan, tổ chức, cá nhân trên địa bàn tỉnh Kiên Giang.
- Được công bố công khai và được quyền tiếp cận theo quy định của Luật tiếp cận thông tin, trừ các thông tin, dữ liệu thuộc về bí mật nhà nước và hạn chế sử dụng.
- Phục vụ kịp thời công tác quản lý nhà nước, đáp ứng yêu cầu của phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh, nghiên cứu khoa học, giáo dục và đào tạo, nâng cao dân trí.

## **2. Yêu cầu:**

- Thực hiện thu thập dữ liệu theo Quy chế thu thập, quản lý, khai thác, chia sẻ và sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường trên địa bàn tỉnh Kiên Giang quy định tại Quyết định số 07/2021/QĐ-UBND ngày 27 tháng 7 năm 2021 và Quyết định số 02/2024/QĐ-UBND ngày 23 tháng 01 năm 2024 của Ủy ban nhân tỉnh Kiên Giang.

- Thông tin, dữ liệu thu thập phải đảm bảo tính chính xác đúng quy định của pháp luật.

- Thông tin, dữ liệu thu thập được sử dụng đúng mục đích, phải trích dẫn nguồn và tuân thủ các quy định của pháp luật về bảo vệ bí mật nhà nước, sở hữu trí tuệ.

- Tổ chức công bố danh mục, thông tin mô tả về thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường phục vụ tra cứu, cung cấp, khai thác sử dụng.

## **II. NỘI DUNG, THỜI GIAN THỰC HIỆN**

Thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường phải là bản chính, bản gốc được quy định tại Điều 3 Quy chế thu thập, quản lý, khai thác, chia sẻ và sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường trên địa bàn tỉnh Kiên Giang quy định tại Quyết định số 07/2021/QĐ-UBND ngày 27 tháng 7 năm 2021 và Quyết định số 02/2024/QĐ-UBND ngày 23 tháng 01 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang.

### **1. Các Sở ban ngành cấp tỉnh**

- Quản lý, khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường của đơn vị hình thành trong quá trình hoạt động của các đơn vị; Thực hiện việc giao nộp tài liệu về Sở Tài nguyên và Môi trường theo quy định.

- Xây dựng, tổng hợp danh mục thông tin, dữ liệu tài nguyên môi trường của đơn vị; Báo cáo về công tác quản lý, khai thác và sử dụng thông tin dữ liệu tài nguyên và môi trường của đơn vị về Sở Tài nguyên và Môi trường để tổng hợp báo cáo UBND tỉnh và Bộ Tài nguyên và Môi trường.

Thời gian hoàn thành trước ngày 30 tháng 11 năm 2024.

### **2. Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố**

- Có trách nhiệm phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường trong việc lập và tổ chức thực hiện kế hoạch thu thập thông tin, dữ liệu về tài nguyên và môi trường hàng năm của tỉnh.

- Chỉ đạo Phòng Tài nguyên và Môi trường thu thập, phân loại, đánh giá, xử lý thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường trên địa bàn huyện, thành phố; Cung cấp thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường cho Văn phòng Đăng ký đất đai.

- Xây dựng, tổng hợp danh mục thông tin, dữ liệu tài nguyên môi trường của đơn vị; Báo cáo về công tác quản lý, khai thác và sử dụng thông tin dữ liệu tài nguyên và môi trường của đơn vị về Sở Tài nguyên và Môi trường để tổng hợp báo cáo UBND tỉnh và Bộ Tài nguyên và Môi trường.

Thời gian hoàn thành trước ngày 30 tháng 11 năm 2024.

### **3. Sở Tài nguyên và Môi trường**

- Chỉ đạo các đơn vị thuộc Sở rà soát toàn bộ hồ sơ tài liệu hiện đang lưu giữ tại đơn vị thuộc Sở, thống kê, hoàn thiện hồ sơ tài liệu thuộc danh mục tài liệu phải giao nộp theo quy định về kho lưu trữ Văn phòng Đăng ký đất đai bao gồm tài liệu trên giấy và tài liệu số.

- Tăng cường nhân lực, trang thiết bị kỹ thuật cần thiết cho Văn phòng Đăng ký đất đai để tổ chức tiếp nhận, kiểm tra, đánh giá, xử lý thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường do các cơ quan, đơn vị và các địa phương cung cấp; Lưu trữ, cập nhật, quản lý, phục vụ khai thác sử dụng theo quy định.

- Tham mưu UBND tỉnh kiểm tra xem xét, xử lý các đơn vị, tổ chức, cá nhân vi phạm các quy định về thu thập, quản lý, cập nhật, khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên môi trường theo quy định pháp luật.

- Tham mưu UBND tỉnh xây dựng, tổng hợp danh mục thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường, công bố trên Cổng thông tin điện tử của tỉnh và trang thông tin điện tử của Sở Tài nguyên và Môi trường. Trước ngày 15 tháng 12 hàng năm gửi danh mục thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường về Bộ Tài nguyên và Môi trường (qua Cục Công nghệ thông tin và Dữ liệu tài nguyên và môi trường) để tổng hợp chung.

- Báo cáo UBND tỉnh về công tác thu thập, quản lý, khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường trên địa bàn tỉnh.

Thời gian hoàn thành trước ngày 15 tháng 12 năm 2024.

### **III. KINH PHÍ**

Kinh phí thu thập, xử lý thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường; xây dựng, cập nhật, vận hành cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường trên địa bàn tỉnh được phân bổ từ nguồn kinh phí sự nghiệp kinh tế hàng năm và các nguồn hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

### **IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

#### **1. Sở Tài nguyên và Môi trường:**

- Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố thống nhất về danh mục thông tin dữ liệu tài nguyên và môi trường của tỉnh.

- Lập dự trù kinh phí thực hiện kế hoạch thu thập, tổng hợp thông tin dữ liệu tài nguyên và môi trường thuộc nhiệm vụ của Sở theo quy định.

- Theo dõi, đôn đốc thực hiện kế hoạch thu thập thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường.

- Việc thu thập thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường phải theo Danh mục thu thập thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường ban hành kèm theo Kế hoạch này.

## **2. Sở Tài chính**

Trên cơ sở Kế hoạch được duyệt, đề xuất nhu cầu kinh phí thực hiện do Sở Tài nguyên và Môi trường tổng hợp và khả năng cân đối ngân sách, Sở Tài chính tham mưu UBND tỉnh bố trí kinh phí thực hiện đúng theo quy định.

## **3. Các Sở, ban, ngành tỉnh, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố**

Phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường thực hiện kế hoạch thu thập thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường trong lĩnh vực phụ trách.

Yêu cầu các Sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố thực hiện nghiêm các nội dung Kế hoạch này. Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc hoặc cần sửa đổi, bổ sung điều chỉnh Kế hoạch cho phù hợp, kịp thời phản ánh, báo cáo UBND tỉnh xem xét, quyết định thông qua Sở Tài nguyên và Môi trường./.

### ***Nơi nhận:***

- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Chủ tịch, các PCT.UBND tỉnh;
- Các Sở, ban ngành tỉnh (thực hiện);
- UBND các huyện, thành phố (thực hiện);
- Website Kiên Giang;
- LĐVP, P.KT, P.TH;
- Lưu: VT, hdtan.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Thanh Nhân**

**Danh mục**  
**Thu thập thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường**  
**trên địa bàn tỉnh Kiên Giang**  
(Kèm theo Kế hoạch số /KH-UBND ngày tháng năm 2024  
của UBND tỉnh Kiên Giang)

<b>Mã danh mục</b>	<b>Danh mục thông tin, dữ liệu tài nguyên môi trường</b>
<b>22.00.00</b>	<b>Danh sách thông tin, dữ liệu lĩnh vực đất đai</b>
22.01.00	Kết quả đo đạc, lập bản đồ địa chính;
22.02.00	Đăng ký đất đai, hồ sơ địa chính, thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất;
22.03.00	Thông kê, kiểm kê đất đai;
22.04.00	Quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất;
22.05.00	Giá đất và bản đồ giá đất;
22.06.00	Các thông tin, dữ liệu khác liên quan đến điều tra cơ bản về đất đai.
<b>28.00.00</b>	<b>Danh sách thông tin, dữ liệu lĩnh vực tài nguyên nước</b>
28.01.00	Số lượng, chất lượng nước mặt, nước dưới đất;
28.02.00	Số liệu điều tra khảo sát địa chất thủy văn;
28.03.00	Các dữ liệu về khai thác, sử dụng tài nguyên nước và xả nước thải vào nguồn nước;
28.04.00	Quy hoạch các lưu vực sông, quản lý, khai thác, bảo vệ các nguồn nước;
28.05.00	Kết quả cấp, gia hạn, thu hồi, điều chỉnh giấy phép thăm dò, khai thác, sử dụng tài nguyên nước; giấy phép xả nước thải vào nguồn nước; trám lấp giếng không sử dụng;
28.06.00	Các dữ liệu về các yếu tố ảnh hưởng đến tài nguyên nước;
28.07.00	Hồ sơ kỹ thuật của các trạm, công trình quan trắc tài nguyên nước;
28.08.00	Các dữ liệu về danh mục các lưu vực sông.
<b>23.00.00</b>	<b>Danh sách thông tin, dữ liệu lĩnh vực môi trường</b>
23.01.00	Thông tin về chất ô nhiễm, dòng thải các chất ô nhiễm ra môi trường, nguồn ô nhiễm; công tác bảo vệ môi trường của dự án đầu tư, cơ sở, khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, tập trung, cụm công nghiệp;
23.02.00	Thông tin về chất thải rắn, chất thải nguy hại, nước thải, khí thải và các loại chất thải khác theo quy định của pháp luật;
23.03.00	Thông tin về quyết định phê duyệt kết quả thẩm định, báo cáo đánh giá tác động môi trường, trừ bí mật thương mại, bí mật kinh doanh, thông tin thuộc bí mật nhà nước; nội dung cấp phép, đăng ký, chứng nhận, xác nhận; kết quả kiểm tra, thanh tra về bảo vệ môi trường đối với dự án đầu tư, cơ sở, khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp theo quy định;
23.04.00	Thông tin về chỉ tiêu thống kê môi trường, chất lượng môi trường, ô nhiễm môi trường;
23.05.00	Thông tin về di sản thiên nhiên, hệ sinh thái tự nhiên, loài sinh vật và nguồn gen; khu bảo tồn thiên nhiên và cơ sở bảo tồn đa dạng sinh học; vùng đất ngập nước quan trọng.

<b>Mã danh mục</b>	<b>Danh mục thông tin, dữ liệu tài nguyên môi trường</b>
<b>21.00.00</b>	<b>Danh sách thông tin, dữ liệu lĩnh vực địa chất và khoáng sản</b>
21.02.00	Thông tin, dữ liệu điều tra cơ bản địa chất về khoáng sản;
21.03.00	Thông tin, dữ liệu khu vực dự trữ tài nguyên khoáng sản quốc gia, khu vực có khoáng sản phân tán nhỏ lẻ; khoanh định khu vực cấm, tạm thời cấm hoạt động khoáng sản; khu vực có khoáng sản độc hại;
21.04.00	Kết quả thông kê, kiểm kê trữ lượng tài nguyên khoáng sản;
21.05.00	Hồ sơ tiền cấp quyền khai thác khoáng sản;
21.06.00	Kết quả cấp, gia hạn, thu hồi, cho phép, trả lại giấy phép hoạt động khoáng sản, cho phép tiếp tục thực hiện quyền hoạt động khoáng sản.
21.07.00	Quy hoạch điều tra cơ bản địa chất về khoáng sản;
21.08.00	Quy hoạch thăm dò, khai thác, sử dụng khoáng sản;
21.09.00	Bảo vệ môi trường trong hoạt động khoáng sản;
21.10.00	Thông tin, dữ liệu tai biến địa chất;
21.11.00	Thông tin, dữ liệu địa chất công trình, địa chất đô thị.
21.12.00	Mẫu vật địa chất, khoáng sản.
<b>20.00.00</b>	<b>Danh sách thông tin, dữ liệu lĩnh vực biển và hải đảo</b>
20.01.00	Dữ liệu về vùng đất ven biển, địa hình đáy biển.
20.02.00	Dữ liệu về khí tượng, thủy văn biển;
20.03.00	Dữ liệu về địa chất biển, địa vật lý biển, khoáng sản biển; dầu, khí ở biển; dữ liệu về tính chất vật lý, hóa lý của nước biển;
20.04.00	Dữ liệu về hệ sinh thái biển; đa dạng sinh học và nguồn lợi thủy sản biển; tài nguyên vị thế biển và kỳ quan sinh thái biển;
20.05.00	Dữ liệu về môi trường biển, nhận chìm ở biển;
20.06.00	Dữ liệu về hải đảo;
20.07.00	Dữ liệu quy hoạch, kế hoạch sử dụng biển; quy hoạch tổng thể khai thác, sử dụng bền vững tài nguyên vùng bờ; chương trình quản lý tổng hợp tài nguyên vùng bờ;
20.08.00	Dữ liệu về khai thác, sử dụng tài nguyên biển và hải đảo;
20.09.00	Dữ liệu khác liên quan đến tài nguyên, môi trường biển và hải đảo.
<b>24.00.00</b>	<b>Danh sách thông tin, dữ liệu lĩnh vực khí tượng thủy văn</b>
24.01.00	Dữ liệu về quan trắc, điều tra, khảo sát khí tượng, thủy văn, hải văn
24.01.01	- Thông tin, dữ liệu về khí tượng;
24.01.02	- Thông tin, dữ liệu về thủy văn;
24.01.03	- Thông tin, dữ liệu về hải văn;
24.01.04	- Thông tin, dữ liệu về ô dôn - bức xạ cực tím;
24.01.05	- Thông tin, dữ liệu về môi trường không khí phục vụ khí tượng thủy văn.
24.01.06	- Thông tin, dữ liệu về môi trường nước phục vụ khí tượng thủy văn.
24.02.00	Dữ liệu về dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn
24.02.01	- Bản tin dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn;
24.02.02	- Sản phẩm của các mô hình dự báo;
24.02.03	- Biểu đồ, bản đồ, ảnh thu từ vệ tinh;
24.02.04	- Thông báo tình hình khí tượng thủy văn;

<b>Mã danh mục</b>	<b>Danh mục thông tin, dữ liệu tài nguyên môi trường</b>
24.02.05	- Thông tin, dữ liệu thu được từ tổ chức quốc tế, tổ chức, cá nhân nước ngoài;
24.02.06	- Thông tin, dữ liệu về thiên tai khí tượng thủy văn.
24.03.00	Dữ liệu về khí hậu
24.03.01	- Bộ chuẩn khí hậu quốc gia;
24.03.02	- Kết quả đánh giá khí hậu quốc gia.
24.04.00	Dữ liệu về hồ sơ kỹ thuật trạm và giấy phép dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn
24.04.01	- Hồ sơ kỹ thuật của các trạm, công trình, phương tiện đo khí tượng thủy văn;
24.04.01	- Hồ sơ cấp, gia hạn, đình chỉ, thu hồi giấy phép hoạt động dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn;
24.04.01	- Hồ sơ kỹ thuật của các trạm giám sát biến đổi khí hậu.
24.05.00	Dữ liệu khác về khí tượng thủy văn
24.05.01	- Phim, ảnh về đối tượng nghiên cứu khí tượng thủy văn;
24.05.02	- Kế hoạch và kết quả thực hiện tác động vào thời tiết.
<b>27.00.00</b>	<b>Danh sách thông tin, dữ liệu lĩnh vực biến đổi khí hậu</b>
27.01.00	Văn bản quy phạm pháp luật, chính sách, chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, quy định kỹ thuật và quy trình chuyên môn, định mức kinh tế - kỹ thuật về biến đổi khí hậu và bảo vệ tầng ô-dôn;
27.02.00	Thông tin, dữ liệu về tác động của biến đổi khí hậu đến tài nguyên, môi trường, hệ sinh thái, điều kiện sống và hoạt động kinh tế - xã hội;
27.03.00	Thông tin, dữ liệu về phát thải khí nhà kính và hoạt động kinh tế - xã hội có liên quan đến phát thải khí nhà kính;
27.04.00	Thông tin, dữ liệu về hoạt động giảm nhẹ phát thải khí nhà kính và thích ứng với biến đổi khí hậu;
27.05.00	Thông tin, dữ liệu về bảo vệ tầng ô-dôn và quản lý các chất làm suy giảm tầng ô-dôn;
27.06.00	Kết quả đánh giá khí hậu quốc gia;
27.07.00	Kịch bản biến đổi khí hậu các thời kỳ;
27.08.00	Thông tin, dữ liệu về kết quả nghiên cứu khoa học, phát triển, chuyển giao công nghệ ứng phó với biến đổi khí hậu và bảo vệ tầng ô-dôn;
27.09.00	Thông tin, dữ liệu về nguồn lực cho ứng phó với biến đổi khí hậu và bảo vệ tầng ô-dôn;
27.10.00	Thông tin, dữ liệu về các hoạt động hợp tác quốc tế về ứng phó với biến đổi khí hậu và bảo vệ tầng ô-dôn.
<b>26.00.00</b>	<b>Danh sách thông tin, dữ liệu lĩnh vực đo đạc, bản đồ và thông tin địa lý</b>
26.01.00	Thông tin, dữ liệu, sản phẩm đo đạc và bản đồ
26.01.01	- Thông tin, dữ liệu, sản phẩm của hoạt động đo đạc và bản đồ cơ bản;
26.01.02	- Thông tin, dữ liệu, sản phẩm của hoạt động đo đạc và bản đồ chuyên ngành;
26.02.00	Thông tin, dữ liệu, sản phẩm của hoạt động đo đạc và bản đồ cơ bản

<b>Mã danh mục</b>	<b>Danh mục thông tin, dữ liệu tài nguyên môi trường</b>
26.02.01	- Thông tin, dữ liệu về hệ thống các điểm gốc đo đạc quốc gia, các mạng lưới đo đạc quốc gia;
26.02.02	- Hệ thống dữ liệu ảnh hàng không và hệ thống dữ liệu ảnh viễn thám;
26.02.03	- Dữ liệu nền địa lý quốc gia; dữ liệu, sản phẩm bản đồ địa hình quốc gia;
26.02.04	- Dữ liệu, sản phẩm đo đạc và bản đồ về biên giới quốc gia;
26.02.05	- Dữ liệu, sản phẩm đo đạc và bản đồ về địa giới hành chính;
26.02.06	- Dữ liệu, danh mục địa danh.
<b>26.03.00</b>	<b>Thông tin, dữ liệu, sản phẩm của hoạt động đo đạc và bản đồ chuyên ngành</b>
26.03.01	- Thông tin, dữ liệu, sản phẩm về mạng lưới đo đạc cơ sở chuyên ngành;
26.03.02	- Thông tin, dữ liệu, sản phẩm đo đạc và bản đồ quốc phòng;
26.03.03	- Thông tin, dữ liệu, sản phẩm đo đạc, thành lập bản đồ địa chính;
26.03.04	- Thông tin, dữ liệu, sản phẩm, thành lập bản đồ hành chính;
26.03.05	- Thông tin, dữ liệu, sản phẩm đo đạc, thành lập hải đồ;
26.03.06	- Thông tin, dữ liệu, sản phẩm đo đạc, thành lập bản đồ hàng không dân dụng;
26.03.07	- Thông tin, dữ liệu, sản phẩm đo đạc, thành lập bản đồ công trình ngầm;
26.03.08	- Thông tin, dữ liệu, sản phẩm đo đạc và bản đồ phục vụ phòng, chống thiên tai, cứu hộ, cứu nạn, khắc phục sự cố môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu;
26.03.09	- Thông tin, dữ liệu, sản phẩm tập bản đồ; thông tin, dữ liệu, sản phẩm đo đạc và bản đồ chuyên ngành khác.
<b>29.00.00</b>	<b>Danh sách thông tin, dữ liệu lĩnh vực viễn thám</b>
29.01.00	Thông tin về hệ thống thu nhận dữ liệu ảnh viễn thám.
29.02.00	Dữ liệu ảnh viễn thám.
29.03.00	Siêu dữ liệu viễn thám.
29.04.00	Thông tin, dữ liệu, sản phẩm viễn thám.
29.05.00	Thông tin, dữ liệu quan trắc, giám sát bằng công nghệ viễn thám.
29.06.00	Thông tin, dữ liệu, sản phẩm khác theo quy định của dự án, đề án; thiết kế kỹ thuật - dự toán về viễn thám được cấp có thẩm quyền phê duyệt.
<b>90.00.00</b>	Kết quả thanh tra, giải quyết tranh chấp, khiếu nại, tố cáo, giải quyết bồi thường thiệt hại về tài nguyên và môi trường đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền giải quyết.
<b>91.00.00</b>	Văn bản quy phạm pháp luật, các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, hướng dẫn kỹ thuật, định mức kinh tế - kỹ thuật về tài nguyên và môi trường.
<b>92.00.00</b>	Hồ sơ, kết quả của các chiến lược, quy hoạch, chương trình, dự án, đề án, đề tài nghiên cứu khoa học công nghệ về tài nguyên và môi trường.
<b>93.00.00</b>	Thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường khác do quy định của pháp luật.